



Mã nhận dạng 16180

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_01**

Tổ Thi **001_DH20CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD502

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD			0,8	1,1	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
2	20153054	TRƯƠNG LÊ HOÀI AN	DH20CD			0,9	1,5	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
3	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD			0,9	1,1	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
4	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD			0,9	1,3	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
5	20153059	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	DH20CD			0,9	0,9	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
6	20153060	PHẠM HẢI ĐĂNG	DH20CD			0,9	1,2	4,7	6,8	0012345678910	0123456789
7	20153061	MA VĂN DANH	DH20CD			0,9	1,1	4,1	6,1	0012345678910	0123456789
8	20153062	VÕ VĂN ĐẠO	DH20CD			0,8	0,8	3,2	4,8	0012345678910	0123456789
9	20153063	NGUYỄN NHẬT THÀNH ĐẠT	DH20CD			0,9	1,1	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
10	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD			0,9	1,5	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
11	20153067	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH20CD			1	1,7	1,8	4,5	0012345678910	0123456789
12	20153068	TRƯƠNG QUANG DENNI	DH20CD			0,9	0	1,8	2,7	0012345678910	0123456789
13	20153069	NGUYỄN THÀNH DIỆN	DH20CD			0,9	1,1	3,9	5,9	0012345678910	0123456789
14	20153070	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	DH20CD			0,9	1,3	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
15	20153071	VŨ A ĐỨC	DH20CD			0,9	0,8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
16	20153072	ĐỖ MẠNH DŨNG	DH20CD			1	1,5	4,4	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16180

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_01**

Tổ Thi **001_DH20CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD502**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153073	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH20CD			0,8	1,4	3,4	5,6	0012345678910	0123456789
18	20153075	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH20CD			0,8	1,7	3,9	6,4	0012345678910	0123456789
19	20153076	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH20CD			0,8	1,7	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
20	20153078	VÕ MINH HIẾU	DH20CD			1	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
21	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			1	1,7	6,0	8,7	0012345678910	0123456789
22	20153080	ĐOÀN HUY HOÀNG	DH20CD			0,8	1,5	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
23	20153081	VŨ ĐÌNH HOÀNG	DH20CD			1	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16181

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_01**

Tổ Thi **002_DH20CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153016	ĐỖ MINH KHOA	DH20CD					V		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20153053	HOÀNG HOÀI NAM	DH20CD			0,9	1,4	5,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
3	20153082	NGUYỄN THANH HƠN	DH20CD			1	1,7	3,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
4	20153083	TRỊNH PHI HỒNG	DH20CD			1	1,2	4,6	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
5	20153084	VÕ PHI HÙNG	DH20CD			0,9	0,8	3,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
6	20153088	LÝ QUỐC HUY	DH20CD			0,9	0,8	1,8	3,6	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
7	20153089	TRƯƠNG NGÔ MINH HUY	DH20CD			0,9	1,1	3,2	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
8	20153091	NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	DH20CD			0,9	0,9	3,4	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
9	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD			0,9	0,8	3,9	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	20153093	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH20CD			0,8	1,1	4,2	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			0,9	1,1	3,6	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	20153095	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	DH20CD			0,9	0,8	4,2	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
13	20153097	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			0,9	0,8	3,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	20153098	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			0,9	1,1	4,3	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
15	20153099	NGUYỄN HỮU LÝ	DH20CD			0,9	0,8	2,5	4,2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
16	20153103	TRẦN THUYẾT MINH	DH20CD			0,9	1,3	4,3	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16181

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi 002_DH20CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 20/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153104	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH20CD		0,9	1,3	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
18	20153106	LÊ THÀNH	NHẬT	DH20CD		0,9	1	4,1	6,0	0012345678910	0123456789
19	20153107	HỒ GIA	PHONG	DH20CD				V		0012345678910	0123456789
20	20153108	TẠ CHIỀU	PHONG	DH20CD		0,9	0,9	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	20153109	TRẦN VĨNH	PHÚ	DH20CD		0,9	1,3	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
22	20153110	BÙI ĐỨC	PHÚC	DH20CD		0,9	1,3	2,9	5,1	0012345678910	0123456789
23	20153113	LÊ VĂN	PHÚC	DH20CD		0,9	1,3	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
24	20153114	NGUYỄN TRẦN QUANG PHƯỚC	DH20CD			0,9	1,2	4,1	6,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Quang Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_01**

Tổ Thi **003_DH20CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153031	VŨ ĐÌNH TẤN	DH20CD			0,9	0,8	2,5	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20153040	LŨ TRỌNG	DH20CD			0,9	1,5	4,6	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20153042	PHẠM NHẬT UY	DH20CD			0,9	1,3	2,9	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20153044	TRƯƠNG HẢI VIỆT	DH20CD			0,9	1,1	4,2	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20153116	PHẠM MẠNH QUỐC	DH20CD			0,9	1,5	3,2	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20153118	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CD			0,9	1,5	4,9	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20153119	TÔ THÀNH TÂN	DH20CD			0,9	1,1	3,2	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20153123	NGUYỄN NHẬT THI	DH20CD					V		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20153125	HỒ VĂN THỊNH	DH20CD			0,9	1,4	4,4	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20153126	TRẦN TRƯƠNG MINH THÔNG	DH20CD			0,9	1,5	2,6	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20153128	NGUYỄN XUÂN TIẾN	DH20CD			0,9	1,0	4,2	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20153131	TRẦN NGUYỄN NHẬT TRÀ	DH20CD					V		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20153132	NGUYỄN TÂN TRUNG	DH20CD			0,9	1,4	3,5	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20153133	LƯƠNG ANH TÚ	DH20CD			0,9	1,1	4,8	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20153134	TRIỆU ANH TUẤN	DH20CD			0,9	1,5	4,6	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20153136	NGUYỄN THANH TÙNG	DH20CD			0,9	1,6	4,7	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi 003_DH20CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 20/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153138	TRẦN TUÂN	VĨ	DH20CD		0,9	1,5	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
18	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG	VIỆT	DH20CD		0,9	1,4	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
19	20153140	LÝ A	VINH	DH20CD				V		0012345678910	0123456789
20	20153141	LÊ	VŨ	DH20CD		0,9	0,8	3,2	4,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

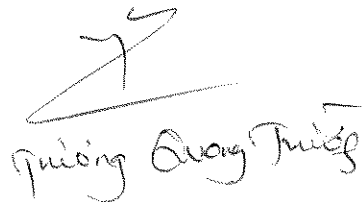
Cán bộ coi thi 1

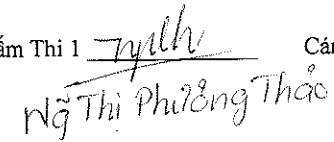
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Bộ môn/Khoa


Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16183

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_02**

Tổ Thi **001_DH200T_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD501

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154005	NGUYỄN TUÂN ANH	DH200T			0	1,0	3,2	4,2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH200T			1	0	4,2	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH200T			0,9	1,2	2,9	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH200T			0,9	1,0	3,2	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154022	HỒ HOÀNG HẢO	DH200T			0,9	1,0	3,2	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154079	ĐIỀN TUÂN ANH	DH200T			0,9	1,2	2,8	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
7	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH200T			0,8	1,0	3,1	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
8	20154085	HUỶNH GIA BẢO	DH200T			0	1,0	3,2	4,2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH200T			0	0,8	2,9	3,7	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
10	20154087	ABDUL BARI	DH200T			0	0,5	2,5	3,0	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154088	LƯU VĂN BÌNH	DH200T			0,8	1,2	3,9	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
12	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH200T					V		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH200T			0	1,5	4,0	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH200T					V		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH200T			0,9	1,5	4,7	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH200T			0,9	1,4	6,1	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16183

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_02**

Tổ Thi **001_DH200T_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD501

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH200T			0,9	1,4	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
18	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH200T			0,9	1,3	2,2	4,4	0012345678910	0123456789
19	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH200T			0	1,1	4,6	5,7	0012345678910	0123456789
20	20154112	HUỲNH KHÁNH DUY	DH200T					V		0012345678910	0123456789
21	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T			0,8	1	2,6	4,4	0012345678910	0123456789
22	20154117	LÊ TUÂN TRƯỜNG	GIANG	DH200T		0,9	1,2	2,9	5,0	0012345678910	0123456789
23	20154120	VÕ NGUYỄN THANH NH HẠ	DH200T					V		0012345678910	0123456789
24	20154122	VŨ ANH HÀO	DH200T			0	1	3,8	4,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Bộ môn/Khoa

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16184

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_02**

Tổ Thi **002_DH20OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153096	LÊ THANH LỘC	DH20CD			0,9	1,2	3,9	6,0	0012345678910	0123456789
2	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH20OT			0,9	0,9	3,9	5,7	0012345678910	0123456789
3	20154123	HOÀNG HỒNG HẬU	DH20OT			0	1	3,7	4,7	0012345678910	0123456789
4	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH20OT			0,9	1,2	4,1	6,2	0012345678910	0123456789
5	20154126	VÕ CÔNG HIẾN	DH20OT			0,9	0,9	3,7	5,5	0012345678910	0123456789
6	20154133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH20OT			0,9	1,4	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
7	20154134	NGUYỄN VÕ HUY	DH20OT			0,9	1,6	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH20OT			0,9	1,5	4,4	6,8	0012345678910	0123456789
9	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH20OT			0,9	1	2,7	4,6	0012345678910	0123456789
10	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH20OT			0,9	0,7	3,6	5,2	0012345678910	0123456789
11	20154139	TRẦN HỮU HÙNG	DH20OT			0,8	1,3	3,9	6,0	0012345678910	0123456789
12	20154140	BÙI THANH HUY	DH20OT			0,8	0,8	3,4	5,0	0012345678910	0123456789
13	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH20OT			0,8	1	2,7	4,5	0012345678910	0123456789
14	20154144	TRẦN GIA HUY	DH20OT			0,9	0,7	3,4	5,0	0012345678910	0123456789
15	20154146	NGUYỄN QUỐC KHAI	DH20OT			0	1,5	3,2	4,7	0012345678910	0123456789
16	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH20OT			0,8	1,5	3,3	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16184

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_02**

Tổ Thi **002_DH20OT_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH20OT			0,9	1,2	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
18	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH20OT			0,9	0,9	4,2	6,0	0012345678910	0123456789
19	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT			0	0,7	2,7	3,4	0012345678910	0123456789
20	20154155	MAI THANH LÂM	DH20OT			0,9	1,2	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
21	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH20OT			0,8	1	2,4	4,2	0012345678910	0123456789
22	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT			0,9	1,2	3,4	5,5	0012345678910	0123456789
23	20154164	NGUYỄN CÔNG LÝ	DH20OT					v		0012345678910	0123456789
24	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT			0,9	1	3,4	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tuấn

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_02**

Tổ Thi **003_DH200T_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

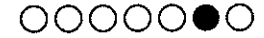
Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD503

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20120077	ĐÌNH CÔNG ĐẠI	PHÁT	DH200T		0,9	0,9	3,4	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20153124	NHAN THANH	THIÊN	DH20CD		0	0,9	4,2	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154049	PHẠM NGỌC DIỄM	QUỲNH	DH200T		0,9	1,9	3,7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154055	HUỲNH THANH	TÂM	DH200T		0,9	1,4	3,5	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
5	20154168	ĐẬU PHƯƠNG	NAM	DH200T		0,9	0,9	3,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	20154170	TRẦN THANH	NAM	DH200T		0,9	1,1	3,2	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154171	NGUYỄN TRỌNG	NGHỊ	DH200T		0,9	2	4,4	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT	NGUYỄN	DH200T				v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH	PHÁT	DH200T		0,8	1,0	3,3	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154191	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH200T		1	1,4	3,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
11	20154197	ĐỖ ANH	QUÂN	DH200T		0,8	1,0	3,9	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
12	20154198	ĐỖ HOÀNG	QUÂN	DH200T		0,8	0,7	4,3	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	20154209	TRẦN CHÍ	QUYẾT	DH200T		0,9	1,0	3,2	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154213	NGUYỄN TIẾN	SĨ	DH200T		0,8	1,4	4,6	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
15	20154216	HUỲNH DUY	TÂN	DH200T		0,9	1,4	4,1	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154219	NGUYỄN TIẾN	THẠNH	DH200T		0,8	1,6	4,2	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_02**

Tổ Thi **003_DH20OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD503**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Quý Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_02**

Tổ Thi **004_DH200T_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD106

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154062	HUỖNH MINH THÔNG	DH200T			0,9	0,9	3,3	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIỀN	DH200T			1	0,9	4,2	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH200T			0,8	0,9	3,7	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH200T			0,9	1,8	4,9	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			0,9	1,2	2,5	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			0,8	1,5	4,4	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T			0,9	1,4	5,3	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH200T			0,8	0,5	4,9	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T			0,8	0,6	3,5	4,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154235	NGUYỄN HỒ QUỐC TRUNG	DH200T			0,8	1,5	3,2	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154237	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH200T			1,0	1,4	5,1	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T			0,8	0,9	3,4	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH200T			1,0	1,5	5,3	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH200T			0,8	0	2,2	3,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T			1,0	1,8	5,5	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T			1,0	1,4	4,8	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_02**

Tổ Thi **004_DH20OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD106**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 nylh

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022

Mã nhân dạng 16187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_03**

Tổ Thi 001 DH20OT_03

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi **RD302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153087	HỒ GIA HUY	DH20CD			1,0	1,6	4,8	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH20OT			1,0	1,4	5,4	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154082	NGUYỄN PHÚC HOÀNG ANH	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH20OT			0	0,7	2,5	3,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154097	NGUYỄN TẤN DANH	DH20OT			1	0,7	2,5	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH20OT			0	1,3	3,7	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH20OT			0	1,0	4,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	DH20OT			0	0,8	3,7	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			1,0	0,8	3,2	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154127	ĐẶNG TRUNG HIẾU	DH20OT			0	0,8	2,6	3,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154131	HUỖNH VŨ HOÀI	DH20OT			0	0,5	5,0	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154132	NGUYỄN THỌ HOÀNG	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	DH20OT			1	1,1	4,8	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154145	RƠ Ô KÁ	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH20OT			1	1,5	3,7	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_03**

Tổ Thi **001_DH20OT_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT			1	1,7	3,9	6,6	0012345678910	0123456789
18	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT			1	1,5	3,2	5,7	0012345678910	0123456789
19	20154160	TRẦN NGỌC LINH	DH20OT			1	1	2,9	4,9	0012345678910	0123456789
20	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH20OT			0	1,6	2,8	4,4	0012345678910	0123456789
21	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT			0	0,7	1,5	2,2	0012345678910	0123456789
22	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH20OT			0,8	1	4,8	6,6	0012345678910	0123456789
23	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH20OT			0,8	0,7	3,9	5,4	0012345678910	0123456789
24	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH20OT			0,8	1,2	5,6	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16188

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_03**

Tổ Thi **002_DH200T_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD402**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154174	NGUYỄN TIỀN NGHĨA	DH200T			0,8	0,9	5,6	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH200T			1	1,9	4,9	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH200T			1	1,8	5,6	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH200T			1	1,3	5,6	7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH200T			1	1,4	3,9	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH200T			1	0,9	3,9	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH200T			1	0,8	4,1	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154189	CAO THẾ PHÚ	DH200T			1	1,4	3,2	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154193	THÁI TRẦN HỒNG	DH200T			1	0,7	2,5	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154194	NGUYỄN DIỆU PHỤNG	DH200T					✓		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH200T			1	1,3	4,1	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH200T			1	1,6	3,4	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH200T			1	0,7	1,3	3,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154201	HUỲNH NGỌC QUANG	DH200T			0	1,3	4,9	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH200T					✓		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154203	HÓ VĂN NGỌC QUÍ	DH200T			1	1,6	4,1	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16188

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_03**

Tổ Thi **002_DH20OT_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **20/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD402**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

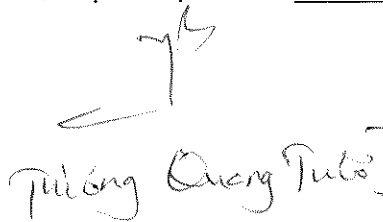
Cán bộ coi thi 1

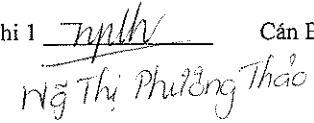
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Bộ môn/Khoa


Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_03**

Tô Thi 003 DH20OT_03

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi 20/01/2022

Giờ Thi **14:00**Phòng Thi **RD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	$\frac{Đ1}{10\%}$	$\frac{Đ2}{20\%}$	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH20OT			0	1,2	3,6	4,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154205	TRẦN HỮU QUỐC	DH20OT			0	0,7	2,5	3,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154206	HUỖNH AN QUYỀN	DH20OT			1	1,6	6,3	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154207	NGUYỄN THẾ QUYỀN	DH20OT			0	1	3,0	4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154208	ĐÀO MINH QUYẾT	DH20OT			0	1	4,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU SANG	DH20OT			0	1,1	3,3	4,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH20OT			0	1,2	3,4	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154214	TRẦN TÂN TÀI	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH20OT			0	1,6	3,8	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIỆN	DH20OT			1	1,9	3,6	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154221	NGUYỄN THANH THIỆN	DH20OT			1	1,8	3,9	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154222	PHAN HỮU THIỆN	DH20OT			0	1,2	3,9	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154224	CHAU CHANH THU	DH20OT			1	1,6	5,3	7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154225	NGUYỄN BẢO THUẬN	DH20OT					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154236	BÙI VĂN TRƯỜNG	DH20OT			0	1	2,2	3,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16189

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20OT_03

Tổ Thi 003_DH20OT_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 20/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Thuối

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16214

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD104**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 1	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL							0012345678910	0123456789
✓ 2	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC							0012345678910	0123456789
3	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			9,5	8,2	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
4	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			9,5	6,7	8,5	8,1	001234567●910	0●23456789
5	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			9,5	8,5	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
6	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			9,5	8,5	9	8,9	001234567●910	012345678●
7	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			9,5	7,8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
8	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			9,5	0	2,5	2,5	001●345678910	01234●6789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			8,5	5,8	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			9,5	7,3	9,5	8,8	001234567●910	01234567●9
11	18118033	Lê Phúc	DH18CC			6,5	4,7	7,5	6,6	0012345●78910	012345●789
12	18118036	Ứng Phương	DH18CC			9,5	5,7	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
13	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			5,5	4,8	7	6,2	0012345●78910	01●3456789
14	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			9,5	7,2	8	7,9	00123456●8910	012345678●
15	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			9,5	7,2	8	7,9	00123456●8910	012345678●
16	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			9,5	7,5	10	9,2	0012345678●10	01●3456789



Mã nhận dạng 16214

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD104**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9,5	6,8	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
18	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			9,5	7,5	9,5	8,5	001234567●910	012345678●
19	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			9,5	8,3	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
20	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			9,5	8,3	10	9,4	0012345678●10	0123●56789
21	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			9,5	7,2	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
22	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9,5	7,2	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
23	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			9,5	7,7	10	9,3	0012345678●10	012●456789
24	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			9,5	7,2	9,5	8,8	001234567●910	01234567●9

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 24 Tháng 3 Năm 2022

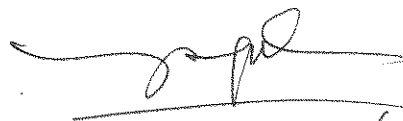
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Anh Đức


Lê Anh Đức

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16215

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **002_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 12 %	Đ2 32 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			9,5	9	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
2	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			9,5	7,8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
3	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			9,5	7,5	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
4	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			8,5	7,8	9	8,6	001234567●910	012345●789
5	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			9,5	8	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
6	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			9,5	4,2	5,5	5,5	001234●678910	01234●6789
7	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			9,5	7	10	9,1	0012345678●10	0●23456789
8	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			8,5	7,3	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
9	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			9,5	8,5	9	8,9	001234567●910	012345678●
10	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			8,5	6	7	6,9	0012345●78910	012345678●
11	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			9,5	8,5	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
12	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			9,5	7,5	9	8,6	001234567●910	012345●789
13	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			9,5	8,7	7	7,8	00123456●8910	01234567●9
14	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			8,5	6	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
15	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			8,5	2,3	8,5	6,6	0012345●78910	012345●789
16	18137026	HuỳnhĐa Lộc	DH18NL			9,5	6,3	7,5	7,3	00123456●8910	012●456789



Mã nhận dạng 16215

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **002_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			9,5	7	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
18	18137029	Nguyễn Huỳnh	DH18NL			9,5	7,8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
19	18137031	Nguyễn Thành	DH18NL			9,5	7,2	8	7,9	00123456●8910	012345678●
20	18137032	Nguyễn Thành	DH18NL			9,5	7,2	8	7,9	00123456●8910	012345678●
21	18137034	Dương Văn	DH18NL			9,5	6,7	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
22	18137035	Võ Hồng	DH18NL			9,5	6,5	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
23	18137037	Phan Hữu	DH18NL			9,5	5,5	8,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
24	18137039	Phạm Trương Quang	DH18NL			9,5	7,2	9	8,5	001234567●910	01234●6789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

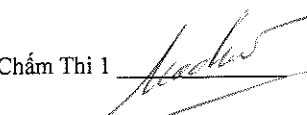
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Anh Đức


Lê Anh Đức

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16216

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **003_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			9,5	7	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
2	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiền	DH17CC			9,5	6,8	6	6,6	0012345●78910	012345●789
3	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			9,5	7,2	7	7,3	00123456●8910	012●456789
4	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			9,5	7	10	9,1	0012345678●10	0●23456789
5	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			9,5	7,7	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
6	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			9,5	7,5	10	9,2	0012345678●10	01●3456789
7	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			9,5	7,7	9	8,7	001234567●910	0123456●89
8	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			9,5	7,5	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
9	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			9,5	7,8	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
10	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			9,5	8,2	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
11	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			9,5	6,8	8,5	8,1	001234567●910	0●23456789
12	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			9,5	6,8	2	4,2	00123●5678910	01●3456789
13	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			9,5	6,8	9,5	8,7	001234567●910	0123456●89
14	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			8,5	7,2	10	9,0	0012345678●10	●123456789
15	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			9,5	8,5	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
16	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			9,5	7	10	9,1	0012345678●10	0●23456789



Mã nhận dạng 16216

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **003_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 32 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			9,5	8,7	8,5	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
18	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			9,5	7,3	9	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
✓19	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC						/	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			9,5	6,7	8	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
21	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			9,5	2,2	8,5	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			9,5	7,8	7,5	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
23	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			9,5	6,7	8,5	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL			9,5	7,2	10	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 22, Số sinh viên vắng 04

Ngày 24 Tháng 3 Năm 2022

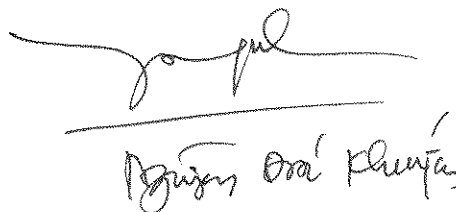
Cán bộ coi thi 1

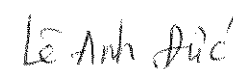
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Đức Khánh


Lê Anh Đức

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16218

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			8	4	4	4,4	00123●5678910	0123●56789
2	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
3	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			9	4,5	3	4,1	00123●5678910	0●23456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
5	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			8	4	4	4,4	00123●5678910	0123●56789
6	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			9	6,0	4	5,1	001234●678910	0●23456789
7	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			9	8,5	2	4,7	00123●5678910	0123456●89
8	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
10	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9	9	4	6,0	0012345●78910	●123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			9	4	4	4,5	00123●5678910	01234●6789



Mã nhận dạng 16218

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4.3 Số sinh viên vắng 0...

Ngày 22 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đan Khuê

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16220

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			8,5	6	7,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
2	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			9,5	2	4	4,0	00123●5678910	●123456789
3	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			9,5	4	8,5	7,3	00123456●8910	012●456789
4	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			9,5	8	7	7,6	00123456●8910	012345●789
5	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			9,5	7,5	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
6	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			9,5	7,5	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
7	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc	DH19CC			9,5	5,5	9	8,0	001234567●910	●123456789
8	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			9,5	8,5	3,5	5,6	001234●678910	012345●789
9	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			8,5	9,5	8	8,5	001234567●910	01234●6789
10	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			9,5	4	6	5,8	001234●678910	01234567●9
11	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			9,5	7	8	7,9	00123456●8910	012345678●
12	19118020	Nguyễn Đoàn Công	DH19CC			9,5	7	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
13	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			9,5	5,5	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
14	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			8,5	8	8	8,1	001234567●910	0●23456789
15	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			9,5	7	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
16	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			8,5	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789



Mã nhận dạng 16220

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 17	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC							0012345678910	0123456789
18	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			9,5	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
19	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			9,5	2,5	8,5	6,8	0012345678910	0123456789
20	19118041	K'	DH19CC			9,5	5,5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
21	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			9,5	9	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
22	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			9,5	7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
✓ 23	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC							0012345678910	0123456789
24	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			8,5	4	8,5	7,2	0012345678910	0123456789
25	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			9,5	0	6,5	4,9	0012345678910	0123456789
26	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			9,5	9,5	8	8,6	0012345678910	0123456789
27	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			9,5	9,5	6	7,4	0012345678910	0123456789
28	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			9,5	4	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
29	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			9,5	5	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
30	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			9,5	4	7,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16220

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1.8 Số sinh viên vắng 0.2

Ngày 25 Tháng 3 Năm 2022

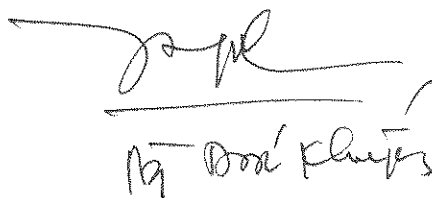
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Bộ môn/Khoa


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16221

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

002_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			9,5	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
2	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			9,5	2,5	6	5,3	0012345678910	0123456789
3	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			9,5	0	8,5	6,1	0012345678910	0123456789
4	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			9,5	6	8	7,6	0012345678910	0123456789
5	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			9,5	5	8	7,3	0012345678910	0123456789
6	19118079	Trần Lê Phúc	DH19CC			9,5	2,5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
7	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			9,5	1,5	8	6,2	0012345678910	0123456789
8	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			9,5	5	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			9,5	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
10	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			9,5	4	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			9,5	5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
12	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			9,5	6,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
13	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			9,5	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
14	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			9,5	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
15	19118105	Lý Nhât Khang	DH19CC			9,5	2	7,5	6,1	0012345678910	0123456789
16	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			9,5	6	6,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16221

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD200

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			8,5	5	10	8,4	001234567●910	0123●56789
✓18	19118115	Phù Thiết	Ki							0012345678910	0123456789
19	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			9,5	2,5	7	5,9	0012345●678910	012345678●
20	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			9,5	2	7,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
✓21	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC							0012345678910	0123456789
22	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			9,5	8	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
23	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC			9,5	4	10	8,2	001234567●910	01●3456789
24	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			9,5	2	7,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
25	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			9,5	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
26	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			9,5	2,5	7,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
✓27	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK							0012345678910	0123456789
28	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			9,5	5,5	7,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
29	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh			8,5	0,5	7,5	5,5	0012345●678910	01234●6789
30	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			9,5	8	5	6,4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 16221

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ sở truyền nhiệt(207239)** Số Tin Ch **3**
Nhóm Thi **DH19CC_02** Tổ Thi **002_DH19CC_02** Tên CBGD **Lê Anh Đức**
Ngày Thi **19/02/2022** Giờ Thi **08:00** Phòng Thi **RD200**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 03

Ngày 25 Tháng 3 Năm 2022

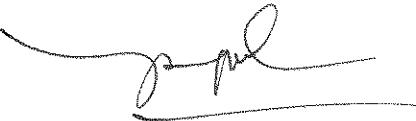
Cán bộ coi thi 1

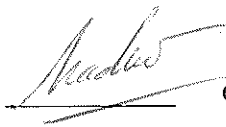
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Bộ môn/Khoa


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16222

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

003_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD106

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 1	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK							0012345678910	0123456789
2	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			9,5	2,5	6	5,3	0012345678910	0123456789
3	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			9,5	4	6	5,8	0012345678910	0123456789
4	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			7,5	6	8	7,4	0012345678910	0123456789
5	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			9,5	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
6	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			9,5	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
7	19118146	Thạch Minh	DH19CC			9,5	0,5	7,5	5,6	0012345678910	0123456789
8	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			9,5	6	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
9	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			7,5	3	4	4,1	0012345678910	0123456789
10	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			9,5	2,5	8,5	6,8	0012345678910	0123456789
✓ 11	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
✓ 12	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
13	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			9,5	6	7	7,0	0012345678910	0123456789
14	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			9,5	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
15	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			8,5	2	7	5,7	0012345678910	0123456789
✓ 16	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC							0012345678910	0123456789



Mã nhân dạng 16222

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC 02

Tô Thi 003_DH19CC_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi **19/02/2022**

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi **RD106**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			9,5	6,5	5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
18	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			9,5	6	9	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			9,5	2	5,5	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
20	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			9,5	3,5	8,5	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			9,5	4	8	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			9,5	8	10	9,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
√ 23	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC						/	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			9,5	9,5	8	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
25	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			9,5	3,5	8,5	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			9,5	4	6	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
√ 27	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC						/	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD			8,5	0	7,5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			9,5	9,5	7,5	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			9,5	3	7,5	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16222

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 003_DH19CC_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD106

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 06

Ngày 25 Tháng 3 Năm 2022

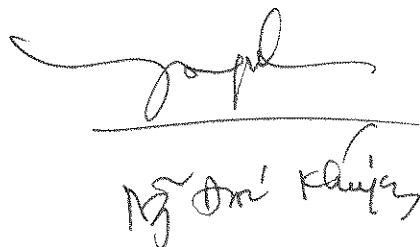
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Khánh


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng . 16223

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ sở truyền nhiệt(207239)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **004_DH19CC_02**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **19/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD100**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			9,5	6	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
2	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			9,5	2,5	3	3,5	0012●45678910	01234●6789
3	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			9,5	2,5	9,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
4	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			9,5	8	5,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
5	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			9,5	4	8,5	7,3	00123456●8910	012●456789
6	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			9,5	2	9	7,0	00123456●8910	●123456789
7	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			9,5	8,5	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
8	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			9,5	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
9	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			9,5	6,5	7	7,1	00123456●8910	0●23456789
10	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			9,5	4	7,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
11	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			9,5	10	8,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
12	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			9,5	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
13	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			9,5	8	7	7,6	00123456●8910	012345●789
14	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			9,5	3	7	6,1	0012345●78910	0●23456789
15	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			8,5	7,5	7	7,3	00123456●8910	012●456789
16	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			9,5	8	7	7,6	00123456●8910	012345●789



Mã nhận dạng 16223

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 004_DH19CC_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 19/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD100

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			9,5	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
18	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			9,5	2,5	7	5,9	0012345678910	0123456789
19	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			9,5	3	8	6,7	0012345678910	0123456789
20	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			9,5	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
21	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			9,5	9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
22	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			9,5	5,5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
23	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			8,5	2,5	7,5	6,1	0012345678910	0123456789
24	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			8,5	2	6,5	1,8	0012345678910	0123456789
25	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			9,5	6,5	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
26	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			9,5	6	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
27	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			9,5	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
28	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			9,5	9,5	7	8,0	0012345678910	0123456789
29	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			8,5	2	8	6,3	0012345678910	0123456789
30	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			9,5	2,5	8	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16223

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CC_02 Tổ Thi 004_DH19CC_02 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 19/02/2022 Giờ Thi 08:00 Phòng Thi RD100

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 30 Số sinh viên vắng 00

Ngày 25 Tháng 3 Năm 2022

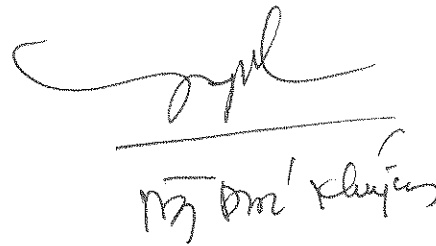
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


M.Đ. Nguyễn


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00444

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 70%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu VI Anh	DH18CC			7,5	8,2		8,0	001234567●910	●123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			8	7		7,3	00123456●8910	012●456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			7,5	8,5		8,2	001234567●910	01●3456789
4	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC			8	7,5		7,7	00123456●8910	0123456●89
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			8	8,5		8,4	001234567●910	0123●56789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			8	8		8,0	001234567●910	●123456789
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			8,5	7,5		7,8	00123456●8910	01234567●9
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			7	7		7,0	00123456●8910	●123456789
13	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
14	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			7	6		6,3	0012345●78910	012●456789
15	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			8	7,5		7,7	00123456●8910	0123456●89
16	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			7	6,5		6,7	0012345●78910	0123456●89

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			8	9		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
20	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			7	6,5		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
21	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			8,5	7,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			8	7,5		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
24	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
25	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			7,5	7,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
26	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			8,5	9,2		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			8	7		7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
28	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			7,5	8,2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			7	7		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			7,5	7,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
31	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			7,5	8,2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			8,5	7,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 00444

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			7,5	7		7,2	00123456●8910	01●3456789
34	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			8,5	9,2		9,0	0012345678●10	●123456789
35	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			8	8		8,0	001234567●910	●123456789
36	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			8	8,5		8,4	001234567●910	0123●56789
37	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			7,5	7,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
38	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			7,5	7		7,2	00123456●8910	01●3456789
39	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			7,5	7,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
40	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			7,5	8,5		8,2	001234567●910	01●3456789
41	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			7,5	7		7,2	00123456●8910	01●3456789
42	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			7,5	7,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
43	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			8,5	7,5		7,8	00123456●8910	01234567●9
44	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			8	8,5		8,4	001234567●910	0123●56789
45	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			8	8		8,0	001234567●910	●123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 45

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 04701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207334)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 23/06/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK				7,3	7	7,1	0012345678910	0123456789
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK				6,2	7	6,8	0012345678910	0123456789
4	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK						0	0012345678910	0123456789
5	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK				4,6	7	6,3	0012345678910	0123456789
6	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
7	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK				6,8	7	6,9	0012345678910	0123456789
8	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK				7,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
10	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK						0	0012345678910	0123456789
11	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK				6,9	9	8,4	0012345678910	0123456789
12	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK				7,4	9	8,5	0012345678910	0123456789
13	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK				8,2	8	8,1	0012345678910	0123456789
14	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK				7,3	8	7,8	0012345678910	0123456789
15	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK				6,7	7	6,9	0012345678910	0123456789
16	18118051	Bùi Huỳnh	DH18CK				6,2	7	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207334)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 23/06/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK				7,2	8	7,8	0012345678910	0123456789
18	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK				7,1	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
19	18118064	Kiều Minh Trí	DH18CK						0	0012345678910	0123456789
20	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
21	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK				6,2	7	6,8	0012345678910	0123456789
22	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK				6,4	7	6,8	0012345678910	0123456789
23	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK				6,8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
24	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK				6,9	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
25	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				7,2	8	7,8	0012345678910	0123456789
26	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK				7,9	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
27	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK				7,3	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
28	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK				7,9	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
29	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
30	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK				7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
31	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK				6,7	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
32	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK				6,9	6,5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207334)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 23/06/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				5,6	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
34	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK				5,2	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
35	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK				5,2	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
36	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK				6,9	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
37	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK				7,4	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
38	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK				7,7	8	7,9	0012345678910	0123456789
39	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK				8,4	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
40	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK				5,4	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
41	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
42	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK				1,2	7,0	5,3	0012345678910	0123456789
43	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK				2,6	6,0	5,0	0012345678910	0123456789
44	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK				7,1	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
45	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK				6,8	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
46	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK				3,8	7,5	6,4	0012345678910	0123456789
47	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK				6,8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
48	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK				6,8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207334)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 23/06/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK			6,4	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
50	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK			7,4	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
51	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK			7,9	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
52	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK			4,6	7,0	6,3	0012345678910	0123456789
53	18118179	Võ Thanh	Tùng	DH18CK			6,6	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
54	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	DH18CK			7,2	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
55	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK			6,6	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
56	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK			6,6	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
57	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK			7,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54 Số sinh viên vắng 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam
Ngày in : 27/05/2021

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 13949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			9		9	9	0012345678910	0123456789
2	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
3	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			9		9	9	0012345678910	0123456789
4	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			9		9	9	0012345678910	0123456789
5	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
6	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
7	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			9		9	9	0012345678910	0123456789
8	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
9	19118039	Bùi Ngọc Diệp	DH19CC			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
10	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
11	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			9		9	9	0012345678910	0123456789
12	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
13	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
14	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
15	19118104	Nguyễn Chí Hải	DH19CC			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
16	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
18	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
19	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789
20	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			9		9	9	0012345678910	0123456789
22	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			9		9	9	0012345678910	0123456789
23	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
24	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
25	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
26	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
27	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
28	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
29	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			9		9	9	0012345678910	0123456789
30	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			9		9	9	0012345678910	0123456789
31	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			9		9	9	0012345678910	0123456789
32	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **An toàn lao động& MT CN(207701)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **16/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			9		9	9	0012345678910	0123456789
34	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			9		9	9	0012345678910	0123456789
35	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC							0012345678910	0123456789
36	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			9		9	9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 30 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 16309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV335

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
3	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC						V	0012345678910	0123456789
4	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
5	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
6	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
7	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
8	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
9	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC				8	8	V	0012345678910	0123456789
10	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
11	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
12	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
13	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
14	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
15	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789
16	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC				8	8	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi PV335

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
18	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC			8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
19	19118159	Đình Quang	Nguyên	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
20	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC					✓	0012345678910	0123456789
21	19118177	Nguyễn Trường	Phong	DH19CC			8	7	7,3	0012345678910	0123456789
22	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
23	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
24	19118215	Trần Ngọc	Thanh	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
25	19118238	Trần Minh	Tiến	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
26	19118244	Nguyễn Phúc	To Ai	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
27	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	DH19CC			8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	19118278	Phan Văn	Vĩnh	DH19CC					✓	0012345678910	0123456789
29	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789
30	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	Yên	DH19CC			8	8	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi PV335

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Điện

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 13948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
3	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
4	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
5	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
6	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
7	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
9	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD				9	9	9	0012345678910	0123456789
10	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
11	18153015	Đỗ Trùng Dương	DH18CD				9	9	9	0012345678910	0123456789
12	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD				8	9	9,7	0012345678910	0123456789
13	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				8	9	9,7	0012345678910	0123456789
14	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
15	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
16	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi

001_DH18CD_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
18	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
19	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
20	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
21	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
22	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
23	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
24	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
25	18153033	Nguyễn Viết Vinh	DH18CD				9	9	9	0012345678●10	●123456789
26	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
27	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
28	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
29	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
30	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK				9	9	9	0012345678●10	●123456789
31	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD				9	9	9	0012345678●10	●123456789
32	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89

Mã nhận dạng 13948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
34	18118068	Lê Quang	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
35	18137028	Cao Tấn	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
36	18153048	Nguyễn Đại	DH18CD				9	9	9	0012345678910	0123456789
37	18153050	Nguyễn Minh	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
38	18137031	Nguyễn Thành	DH18NL				9	9,7	9,5	0012345678910	0123456789
39	18137032	Nguyễn Thành	DH18NL				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
40	18118106	Phùng Minh	DH18CK				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
41	18137035	Võ Hồng	DH18NL				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
42	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL				8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
43	18153058	Trần Minh	DH18CD				8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
44	18153059	Vũ Thế	DH18CD				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
45	18153062	Nguyễn Ngọc	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
46	18118135	Nguyễn Chí	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
47	18153067	Trần Hải	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
48	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 16/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
50	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
51	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
52	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
53	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
54	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
55	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD				8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
56	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD				8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
57	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 57 Số sinh viên vắng ...0...

Ngày 30 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện

Ngày in : 09/11/2021



Mã nhận dạng 16308

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **An toàn lao động& MT CN(207701)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi

001_DH18CD_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi **25/01/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV400A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
3	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
4	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
5	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
6	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
7	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
8	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
9	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
10	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
11	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
12	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
13	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
14	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
15	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL				8	7	7,5	0012345678910	0123456789
16	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL				8	7	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16308

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi

001_DH18CD_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV400A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
18	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
19	18137047	HồngNguyễn Phi Trường	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
20	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
21	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
22	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
23	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789
24	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD				8	8	8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng ..0..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 13950

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 18/09/2021

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 2/2%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
2	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
3	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
4	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			9		9,5	9,4	0012345678910	012356789
5	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
6	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
7	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			8		9,5	9,1	0012345678910	023456789
8	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689
9	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	012345689

Số sinh viên dự thi ...9. Số sinh viên vắng ...0..

Ngày 27 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 16310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV325

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 3/2%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
4	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			7		7,5	7,4	0012345678910	0123456789
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
6	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
7	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
8	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
9	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
10	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
11	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
12	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
13	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
14	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
15	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
16	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV325

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 2/2 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
18	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
19	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
20	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
21	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
22	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
23	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
24	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
25	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
26	18154048	Phạm Trần Gia	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
27	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
28	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
29	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
30	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
31	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
32	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			7		7	7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

PV325

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 3/2 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			7		7	7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			7		7	7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
36	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			7		6	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
37	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
38	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
39	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
40	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			7		8,5	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			7		7,5	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
43	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT			8		8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			8		8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
47	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			7		8,5	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT			7		8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi PV325

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT			8		8,5	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
50	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT			7		8	7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
51	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			7		7,5	7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
52	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			7		8	7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
53	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			8		8	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			7		7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi PV325

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 63 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 27 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 13952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
3	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
4	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
5	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
6	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
7	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
8	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
9	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
10	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
11	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
12	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
13	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
14	19154048	Trần Hòa	DH19OT			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789
15	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
16	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
18	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
19	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789
20	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
21	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
22	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
23	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
24	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
25	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT							0012345678910	0123456789
26	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
27	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
28	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
29	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
30	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
31	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
32	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD304

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
34	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
35	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
36	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
37	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
38	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
39	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
40	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
41	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
42	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
43	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
44	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
45	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
46	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
47	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
48	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD304

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
50	19154170	Hoàng Ngọc Tình	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
51	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
52	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
53	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
54	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
55	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
56	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
57	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
58	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
59	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
60	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
61	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
62	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
63	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
64	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)** Số Tín Ch **3**
 Nhóm Thi **DH19OT_01** Tổ Thi **001_DH19OT_01** Tên CBGD **Lê Văn Điện**
 Ngày Thi **09/09/2021** Giờ Thi **08:00** Phòng Thi **RD304**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
66	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **65** Số sinh viên vắng **1**....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 **Lê Văn Điện**

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Văn Điện

Ngày in : 09/11/2021



Mã nhận dạng 16311

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
2	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
3	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
4	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
5	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
6	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
7	18154048	Phạm Trần Gia	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
8	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
9	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
10	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT						✓	0012345678910	0123456789
11	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
12	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
13	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
14	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
15	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
16	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16311

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Diên

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			9		9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
19	19154068	Nguyễn Hồ Bảo	DH19OT						V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT						V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
22	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
23	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
24	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT			9		9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			9		9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT					0	V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			9		9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
29	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			9		8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16311

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 001_DH19OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 12/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi PV237

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi .25Số sinh viên vắng .4...

Ngày 30 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Văn Điện


Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 16312

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi

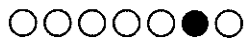
08:00

Phòng Thi

PV325

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154022	Đinh Nguyễn Đình Duy	DH17OT					V		0012345678910	0123456789
2	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT					V		0012345678910	0123456789
3	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
4	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
5	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
6	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
7	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
8	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
9	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
10	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
11	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
12	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
13	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
14	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
15	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
16	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789



Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT 02**

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD **Lê Văn Diên**

Ngày Thi 12/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi PV325

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 _%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			9		7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
18	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT			0		0		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			8		9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
21	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT					0		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			9		8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			9		9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16312

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 12/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi PV325

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

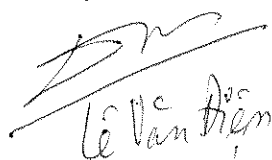
Cán bộ coi thi 1

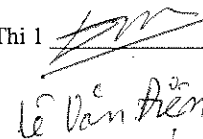
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Văn Điện


Lê Văn Điện

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 13953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **09/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
2	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
3	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
4	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
5	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			9,5		8	8,5	0012345678910	0123456789
6	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
7	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
8	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
9	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
10	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
11	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
12	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
13	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
14	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
15	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
16	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
18	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
19	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
20	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
21	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
22	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
23	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
24	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
25	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
26	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
27	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789
28	19154118	Nào Hoài Phúc	DH19OT							0012345678910	0123456789
29	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
30	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT			8,5		9	8,9	0012345678910	0123456789
31	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
32	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 09/09/2021

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			9,5		9	9,2	0012345678910	0123456789
34	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
35	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
36	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			9		6	6,9	0012345678910	0123456789
37	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
38	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
39	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
40	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			9		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
41	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
42	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
43	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
44	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
45	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
46	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT			9		9	9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hệ thống điện & điện tử ô tô(207741) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19OT_02 Tổ Thi 001_DH19OT_02 Tên CBGD Lê Văn Điện
Ngày Thi 09/09/2021 Giờ Thi 08:00 Phòng Thi RD203

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 01

Ngày 31 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 LM

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

LM
Lê Văn Điện

Lê Văn Điện

Ngày in : 09/11/2021



Mã nhận dạng 13954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiện nghi trên ô tô(207750)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **13/09/2021**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD106**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
3	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
4	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
5	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
6	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
7	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
8	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
9	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
10	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
11	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
13	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
14	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 13954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiện nghi trên ô tô(207750)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH18OT_01** Tổ Thi **001_DH18OT_01** Tên CBGD **Lê Văn Điện**
Ngày Thi **13/09/2021** Giờ Thi **10:30** Phòng Thi **RD106**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 0

Ngày 27 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiên nghi trên ô tô(207750)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT 01**

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD **Lê Văn Diên**

Ngày Thi **24/01/2022**

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi **PV237**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
2	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
3	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
4	17154066	Đình Xuân	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
5	17154095	Huỳnh Minh	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
6	18154003	Trương Long	DH18OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
7	18154004	Lương Tiến	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
8	18154005	Nguyễn Duy	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
9	18154008	Trịnh Hoàng	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
10	18154009	Phan Hải	DH18OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
11	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
12	18154013	Phạm Minh	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
13	18154015	Nguyễn Chí	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
14	18154016	Dương Đình	DH18OT				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
15	18154017	Nguyễn Tấn	DH18OT				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
16	18154018	Huỳnh Công	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiện nghi trên ô tô(207750)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD **Lê Văn Diên**

Ngày Thi 24/01/2022

Giờ Thi **08:00**Phòng Thi **PV237**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154019	Huỳnh Công	Danh	DH18OT			9	9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT			8	9,5	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	18154021	Lâm Gia	Đạt	DH18OT			8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18154022	Lưu Quốc	Đạt	DH18OT			9	8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18154024	Nguyễn Phi	Đỉnh	DH18OT			8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	18154025	Nguyễn Trung	Đỉnh	DH18OT			9	9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18154028	Phạm Tiến	Dũng	DH18OT			9	8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18154031	Nguyễn Minh	Dương	DH18OT					✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT			9	9,5	9,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	18154033	Lương Văn	Giàu	DH18OT			9	9,5	9,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	DH18OT			9	9,5	9,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	18154037	Nguyễn Văn	Hóa	DH18OT			9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
29	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT			9	8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	18154039	Vũ Xuân	Hòa	DH18OT			8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT			9	8,5	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
32	18154041	Nguyễn Minh	Hung	DH18OT			8	7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16313

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiện nghi trên ô tô(207750)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **24/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 3/2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
34	18154046	Nguyễn Hoàng	Huy	DH18OT			9	9	9	0012345678910	0123456789
35	18154047	Nguyễn Hữu Minh	Huy	DH18OT			9	8	8,3	0012345678910	0123456789
36	18154048	Phạm Trần Gia	Huy	DH18OT			8	8	8	0012345678910	0123456789
37	18154051	Đình Nhĩ	Khang	DH18OT			9	8	8,3	0012345678910	0123456789
38	18154052	Trần Chí	Khang	DH18OT			8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
39	18154053	Trần Công	Khánh	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
40	18154056	Cao Trung	Kiên	DH18OT			8	8	8	0012345678910	0123456789
41	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt	DH18OT			8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
42	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	DH18OT			9	8	8,3	0012345678910	0123456789
43	18154061	Chu Phú	Lân	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
44	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
45	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
46	18154066	Lưu Kim	Long	DH18OT			9	8	8,3	0012345678910	0123456789
47	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
48	18154071	Nguyễn Thế	Nam	DH18OT			8	7	7,3	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Lê Văn Diên

Phòng Thi **PV237**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				8	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	18154073	Tạ Hoàng	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				9	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	18154077	Nguyễn Thanh	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	18154078	Đặng Văn	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	18154083	Phạm Minh	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	18154086	Võ Đình	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	18154088	Nguyễn Đình	DH18OT				9,5	9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	18154089	Đoàn Minh	DH18OT				9	9,5	9,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	18154090	Trần Nguyễn Minh	DH18OT				9	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	18154093	Nguyễn Hữu	DH18OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	18154095	Nguyễn Văn	DH18OT				9,5	9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	18154096	Quách Thạnh	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	18154097	Hồ Hoàng	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	18154099	Trần Hoàng	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	18154101	Nguyễn Duy	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				8,5	8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				9	8	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				8,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				8	9,5	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16313

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống an toàn & tiện nghi trên ô tô(207750)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Lê Văn Điện**

Ngày Thi **24/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 80 Số sinh viên vắng ...1...

Ngày 27 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện